

Số: *178*/QĐ-UBND

Côn Đảo, ngày *28* tháng 02 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo huyện Côn Đảo  
giai đoạn 2017 – 2021, tầm nhìn năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Côn Đảo lần thứ IX; Kế hoạch số 25-KH/HU ngày 10/5/2016 của BCH Đảng bộ huyện Côn Đảo thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của HĐND huyện Côn Đảo về Phê duyệt Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo huyện Côn Đảo giai đoạn 2017 – 2021, tầm nhìn năm 2030;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 06 /TTr-PGDĐT ngày 20 tháng 02 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này là Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo huyện Côn Đảo giai đoạn 2017 – 2021, tầm nhìn năm 2030.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Nguyễn Thành Chính*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (th/h);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở GD&ĐT tỉnh (b/c);
- TTr: Huyện ủy, HĐND huyện (b/c);
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện (th/h);
- Phòng GD&ĐT huyện (th/h);
- 10 khu dân cư;
- Lưu VT, TH, GDĐT. *Huy*

**TM. UBND HUYỆN  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Thành Chính*

**KẾ HOẠCH  
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HUYỆN CÔN ĐẢO GIAI ĐOẠN 2017 – 2021, TẦM NHÌN NĂM 2030**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2017  
của UBND huyện Côn Đảo)*

**PHẦN MỞ ĐẦU**

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Xây dựng kế hoạch phát triển về giáo dục và đào tạo trung hạn đến năm 2021 và định hướng dài hạn đến năm 2030 với những mục tiêu, bước phát triển có tầm vóc mới, phù hợp với vị thế và điều kiện kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn mới.

- Nhằm có sự chuẩn bị chu đáo về các mặt, đảm bảo sự phát triển giáo dục và đào tạo đúng hướng và bền vững.

- Thực hiện thành công các mục tiêu về giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Côn Đảo lần thứ IX; Kế hoạch số 26-KH/HU ngày 10/5/2016 của BCH Đảng bộ huyện về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

**2. Yêu cầu**

- Phân tích, đánh giá đầy đủ, chính xác thực trạng của giáo dục và đào tạo huyện nhà giai đoạn 2011 - 2016 về phát triển mạng lưới trường lớp; quy mô học sinh; chất lượng, hiệu quả giáo dục; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị... nêu bật những thành tựu đã đạt được, những mặt hạn chế, yếu kém tồn tại và nguyên nhân, để trên cơ sở đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp cho giai đoạn 2017 - 2021.

- Mục tiêu cho giai đoạn 2017 - 2021 phải bảo đảm phù hợp với quan điểm, chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế - xã hội nói chung và về giáo dục và đào tạo nói riêng; phù hợp với quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội của huyện và bảo đảm tính khả thi. Trên cơ sở đó đề ra những định hướng, dự báo tương đối chính xác đến năm 2030.

**II. CÁC CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

- Luật Giáo dục năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009;

- Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;
- Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI;
- Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về Phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020";
- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 – 2020;
- Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;
- Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 8 tháng 2 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; Thông tư số 06/2010/TT-BGD ngày 06 tháng 02 năm 2010 quy định về trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia; Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 về việc ban hành Quy chế công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia;
- Quyết định số 264/2005/QĐ-TTg ngày 25/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020; Quyết định số 1518/QĐ-TTg ngày 05/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2030;
- Quyết định số 870/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2030;
- Quyết định số 1742/QĐ-BKHĐT ngày 15/11/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030;
- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lần thứ VI nhiệm kỳ 2015 – 2020; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Côn Đảo lần IX; Chương trình số 02-CTr/TU ngày 31/12/2015 của BCH Đảng bộ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Kế hoạch số 26-KH/HU ngày 10/5/2016 của BCH Đảng bộ huyện Côn Đảo thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của BCH Trung ương khóa XI về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế";

- Chương trình số 04-CTr/HU ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Côn Đảo về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 21/10/2009 của Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu về xây dựng và phát triển Côn Đảo đến năm 2015, có tính đến năm 2020;

UBND huyện Côn Đảo ban hành Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2017 – 2021, tầm nhìn năm 2030 như sau:

## PHẦN I

### THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CÔN ĐẢO GIAI ĐOẠN 2011-2016

#### I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 5 NĂM QUA

##### 1. Phát triển mạng lưới trường lớp và mở rộng quy mô

Mạng lưới trường, lớp, quy mô học sinh các cấp học được củng cố, phát triển theo quy hoạch. Toàn huyện hiện có:

**Giáo dục mầm non:** 02 trường với 19 phòng học (33 nhóm/lớp ghép), tổ chức bán trú. Huy động 322 cháu nhà trẻ (tỷ lệ 56,8% so với dân số trong độ tuổi); 528 cháu mẫu giáo (tỷ lệ 98% so với dân số trong độ tuổi), trong đó có 170 trẻ 5 tuổi ra lớp (tỷ lệ 100% so với dân số trong độ tuổi).

**Giáo dục tiểu học:** Có 01 trường, 16 phòng học, đã tổ chức 21 lớp với 641 học sinh (tỷ lệ 99% so với dân số trong độ tuổi), trường học 2 buổi/ngày và tổ chức bán trú với 175 học sinh, chiếm 25%.

**Giáo dục trung học:** Có 01 trường gồm 2 cấp trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT), có 18 phòng học, huy động 584 học sinh. Trong đó, cấp THCS có 409 học sinh (tỷ lệ 96% so với dân số trong độ tuổi); 175 học sinh THPT (tỷ lệ 90% so với dân số trong độ tuổi).

**Giáo dục thường xuyên:** Có 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX) và hướng nghiệp với trên 85 học viên theo học bổ túc THPT, phổ cập THCS, hàng năm có trên 60 học viên học tin học, ngoại ngữ (chứng chỉ A, B). Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Hướng nghiệp (GDTX-HN) huyện liên kết với Trung tâm GDTX tỉnh tổ chức 4 lớp liên kết đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học với 185 học viên, đã tốt nghiệp 3 lớp với 116 học viên.

**Số trường đạt chuẩn quốc gia:** Có 4/4 trường đạt chuẩn quốc gia.

##### 2. Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo

Chất lượng, hiệu quả giáo dục ngày càng được củng cố và phát triển; tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban ngày càng giảm. Việc thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa ở cấp học phổ thông đã được triển khai đồng bộ. Thành quả phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và THCS được duy trì bền vững.

Trong 5 năm qua, chất lượng chăm sóc, nuôi dạy trẻ ngày càng được nâng lên, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng từ 5,56% vào năm 2010 xuống còn 2,98% vào năm 2016, các trường đều thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới.

Các trường phổ thông tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học, cấp học. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ khách quan, công bằng, giảm tình trạng gây áp lực tâm lý nặng nề. Thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập, sử dụng có hiệu quả các thiết bị được cung cấp và tự làm. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập tiếp tục được đẩy mạnh, khai thác tốt “nguồn học liệu mở”.

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học là 100%; hiệu quả đào tạo sau 5 năm đạt 99%. Tỷ lệ tốt nghiệp THCS bình quân trên 96,5%, hiệu quả đào tạo sau 4 năm là 96%. Tỷ lệ tuyển sinh lớp 10 hàng năm đạt 100% học sinh tốt nghiệp THCS; số học sinh tốt nghiệp THPT bình quân 95%/năm; số học sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng ngày càng tăng (bình quân trên 65%/năm), hiệu quả đào tạo THPT sau 3 năm đạt 94%.

Hoạt động quản lý dạy học ở các trung tâm GDTX-HN huyện ngày càng đi vào nề nếp, chất lượng đào tạo từng bước được nâng lên. Thông qua trung tâm GDTX tỉnh liên kết với các trường đại học đào tạo bằng nhiều hình thức với nhiều ngành nghề góp phần giải quyết nhu cầu học tập của người học và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện.

Công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục tuy mới triển khai thực hiện, còn nhiều khó khăn nhưng Phòng Giáo dục và Đào tạo đã chủ động nhằm triển khai có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Kết quả có 2 trường được kiểm định đạt mức độ 3 (trường MN Hướng Dương, MN Tuổi Thơ).

### **3. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên**

Đến năm 2016, toàn ngành có 206 biên chế. Trong đó, cán bộ quản lý các trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo là 15, giáo viên thuộc các cấp học mầm non, phổ thông và GDTX là 144. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên ngày càng được củng cố, kiện toàn theo yêu cầu đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu và nâng cao về trình độ đào tạo. Hầu hết cán bộ quản lý, giáo viên giữ vững được tư tưởng, chính trị, đạo đức; phong cách và lối sống phù hợp với chuẩn mực của nhà giáo trong thời kỳ mới.

Cán bộ quản lý có trình độ chính trị từ trung cấp trở lên là 78%; 92,4% đã được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý; đạt chuẩn chuyên môn 100%, trong đó trên chuẩn 78,5%; đảng viên 100%.

Giáo viên tích cực học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. 100% đạt chuẩn chuyên môn, trong đó trên chuẩn: MN 58%, TH 96,5%, THCS 96%; tỷ lệ đảng viên đạt là 36,84%.

### **4. Xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học**

Công tác xây dựng trường sở và trang thiết bị dạy học đã được quan tâm đầu tư, trang bị tương đối đầy đủ theo quy định tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Việc đầu tư cho trường đạt chuẩn quốc gia được quan tâm. Các trường phổ thông đều có thư viện; 100% trường có phòng máy vi tính, tất cả các trường đều được nối mạng Internet.

Công tác đầu tư nâng cấp, sửa chữa các trường được quan tâm, đã hoàn thành khu bán trú trường tiểu học Cao Văn Ngọc (giai đoạn 1) với sức chứa 200 học sinh; hoàn thành đưa vào sử dụng các phòng chuyên môn, hội trường trường mầm non Hướng Dương. Đã khởi công khu tập luyện và thi đấu đa năng trường THCS-THPT Võ Thị Sáu Côn Đảo; triển khai xây dựng các phòng chuyên môn trường tiểu học Cao Văn Ngọc; mở rộng trường mầm non Tuổi Thơ; xây dựng trường THCS Côn Đảo.

## **II. NHỮNG TỒN TẠI**

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng về trình độ lý luận chính trị, đạo đức và năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên còn hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới.

- Chất lượng giáo dục phổ thông tuy có tăng nhưng vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của tỉnh.

- Tỷ lệ học sinh phổ thông đến trường tăng, nhưng tỉ lệ tốt nghiệp cuối cấp đúng độ tuổi còn thấp, học sinh lớn tuổi còn nhiều.

- Cơ sở vật chất, kỹ thuật trường học được ưu tiên đầu tư nhưng nhìn chung vẫn còn một số mặt chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học, nhất là để phục vụ cho việc học 2 buổi/ngày ở cấp mầm non, tiểu học, tổ chức thực hành và triển khai các hoạt động giáo dục khác. Các trường học đã quá tải, không còn khả năng tiếp nhận thêm học sinh.

### ***Nguyên nhân của những tồn tại, chủ yếu***

- Một bộ phận giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực chưa đạt yêu cầu. Năng lực tham mưu của cán bộ quản lý còn hạn chế. Công tác phân cấp quản lý còn chồng chéo, chưa quy về một đầu mối quản lý, chưa có sự phối hợp chặt chẽ trong quản lý đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng.

- Gia đình, cha mẹ học sinh chưa có sự quan tâm dẫn đến việc học tập, rèn luyện của học sinh dẫn đến chán học, học kém. Việc kết hợp giữa 3 môi trường nhà trường, gia đình và xã hội đôi lúc chưa thật tốt.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất chưa theo kịp sự gia tăng dân số đã ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học và khả năng huy động trẻ mầm non ra lớp.

## **PHẦN II**

### **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

#### **HUYỆN GIAI ĐOẠN 2017-2021, TẦM NHÌN NĂM 2030**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội có tác động, ảnh hưởng tới sự phát triển giáo dục và đào tạo**

Theo định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Côn Đảo đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030, Côn Đảo trở thành Thành phố du dịch mang tầm cỡ khu vực và quốc tế. Theo đó sẽ có nhiều công trình kinh tế, du lịch – dịch vụ, văn hóa được triển khai xây dựng và đưa vào hoạt động. Đến năm 2020 đón trên

180.000 lượt khách du lịch, đến năm 2030 đón khoảng 300.000 lượt khách du lịch; trong đó, khách quốc tế chiếm 40%. Năm 2020 tạo việc làm cho khoảng 5.200 lao động, năm 2030 tạo việc làm cho khoảng 8.000 lao động. Dân số 10.000 người vào năm 2020 và khoảng 22.000 người vào năm 2030, trong đó, Khu Bến Đầm có khoảng 3000 người, Cỏ Ống có khoảng 4000 người.

Giai đoạn 2016 – 2021 chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng “*du lịch – dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp*”; huy động vốn đầu tư toàn xã hội 6.608 tỷ đồng, trong đó, vốn ngân sách 5.958 tỷ đồng. Tạo thêm việc làm mới 750 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo 80%. Tỷ lệ các cháu đi nhà trẻ 87%, mẫu giáo 100%, học sinh trong độ tuổi phổ cập tiểu học, trung học cơ sở phải được đến trường để học tập, rèn luyện.

## **2. Mục tiêu chung**

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương và Chương trình 02-CTr/TU ngày 31/12/2015 của Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội khóa XIII về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

Phát triển hệ thống trường, lớp đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo của huyện tương xứng sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Xây dựng huyện Côn Đảo thành xã hội học tập, đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Huy động tốt các nguồn lực xã hội tham gia phát triển giáo dục và đào tạo huyện.

## **3. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2017 - 2021**

**Năm 2017**, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường: nhà trẻ đạt trên 67,6%, trẻ mẫu giáo đạt 98%, trẻ 5 tuổi đạt 100%; 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6; thanh thiếu niên từ 11 – 18 tuổi đến trường đạt trên 98%.

Hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà tập luyện và thi đấu đa năng trường THCS&THPT Võ Thị sáu; các phòng học bộ môn trường tiểu học Cao Văn Ngọc; 8 nhóm lớp trường mầm non Tuổi Thơ; Khối phòng học, phòng làm việc của trường THCS Côn Đảo; khởi công xây mới 01 trường mầm non; có kế hoạch xây mới 01 trường tiểu học.

Tiếp tục rà soát, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn, trong đó có các trường học giai đoạn 2017 - 2021 trình UBND tỉnh phê duyệt.

### **3.1. Mạng lưới trường lớp**

Đến hết năm 2021 xây mới ít nhất 03 trường mầm non; 01 trường tiểu học, 01 trường THCS; 01 trung tâm GDNN-GDTX.

Kêu gọi thành lập các nhóm trẻ tư thục, trung tâm ngoại ngữ, giáo dục kỹ năng sống đáp ứng nhu cầu học tập cho mọi đối tượng.

### **3.2. Mục tiêu huy động đến năm 2021 (tỷ lệ so với dân số trong độ tuổi):**

#### **3.2.1. Mầm non**

- Trẻ (từ 6 – 36 tháng tuổi) vào nhà trẻ 87%.
- Trẻ (từ 36 – 60 tháng tuổi) vào mẫu giáo là 100%, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi là 100%. Duy trì bền vững kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi.

#### **3.2.2. Tiểu học**

- Trẻ trong độ tuổi đi học 100%.
- Trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ khuyết tật học hoà nhập.
- Duy trì bền vững kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2.

#### **3.2.3. Trung học cơ sở**

- Học sinh trong độ tuổi đi học 98%.
- Trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ khuyết tật học hoà nhập.
- Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Trung học cơ sở.

#### **3.2.4. Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên**

- Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đề trung tâm GDTX thực hiện đầy đủ theo chức năng, nhiệm vụ Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Hàng năm đào tạo nghề trên 100 học viên; dạy nghề phổ thông và tư vấn hướng nghiệp cho 100% học sinh trung học; liên kết với các trường Đại học, Cao đẳng tổ chức 2 -3 lớp liên thông, đào tạo văn bằng 2 góp phần nâng cao trình độ dân trí, tay nghề cho cán bộ, công chức, người lao động trên địa bàn huyện.

### **3.3. Mục tiêu chất lượng và hiệu quả**

#### **3.3.1. Mầm non**

Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ được chuyển biến về cơ bản, giúp trẻ phát triển hài hoà về thể chất, tình cảm, trí tuệ và thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ vào học lớp 1. Trên 90% số trẻ 5 tuổi đạt chuẩn phát triển, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non ở mức dưới 4%.



### **3.3.2. Phổ thông**

Chất lượng toàn diện của học sinh phổ thông có sự chuyển biến rõ rệt để phát triển năng lực làm người. Học sinh có ý thức và trách nhiệm cao trong học tập, có lối sống lành mạnh, có năng lực làm việc độc lập và hợp tác, có kỹ năng sống, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, có năng lực tự học, có khả năng sử dụng ngoại ngữ, biết vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

**Đối với giáo dục tiểu học:** Đến năm 2021 năng lực đọc hiểu và làm toán của học sinh được nâng cao rõ rệt, tỷ lệ học sinh đạt yêu cầu trong các đánh giá quốc gia về đọc hiểu và tính toán là 90%; 100% học sinh được học tiếng Anh từ lớp 1, 25% học sinh có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh; 100% học sinh được tiếp cận và học tin học. 100% học sinh học 2 buổi/ngày, 50% học sinh vào bán trú. Hàng năm có ít nhất 25% học sinh tham gia thi Toán, tiếng Anh trên internet cấp huyện, cấp tỉnh. Hiệu quả đào tạo sau 5 năm đạt 99,5%.

**Đối với giáo dục trung học cơ sở:** Học sinh được trang bị học vấn cơ bản, kỹ năng sống, những hiểu biết ban đầu về công nghệ và nghề phổ thông, được học liên tục và hiệu quả chương trình ngoại ngữ mới, 50% học sinh có khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh. Hàng năm có ít nhất 30% học sinh tham gia thi Toán, tiếng Anh trên internet cấp huyện, cấp tỉnh. Hiệu quả đào tạo cấp THCS đạt 98%.

### **3.3.3. Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên**

Duy trì bền vững kết quả phổ cập xoá mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, giáo dục THCS và THPT. Chất lượng giáo dục thường xuyên được nâng cao, giúp người học có kiến thức, kỹ năng để tiếp tục tham gia các chương trình giáo dục liên thông, đa dạng và đáp ứng được yêu cầu của công việc, nâng cao chất lượng cuộc sống. Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 - 35 trên 99%, không có người tái mù chữ sau khi biết chữ. Triển khai có hiệu quả kế hoạch đào tạo nghề đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động trong từng giai đoạn.

Đến năm 2021, sau khi hoàn thành các chương trình giáo dục nghề nghiệp, học sinh có năng lực và đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật lao động, khả năng sử dụng ngoại ngữ trong học tập và làm việc đáp ứng được yêu cầu lao động và khả năng cạnh tranh nhân lực của đất nước, có khả năng tự tìm và tự tạo việc làm, 85% số học viên hoàn thành chương trình giáo dục nghề nghiệp và cơ quan sử dụng lao động đánh giá đáp ứng được các yêu cầu của công việc.

Mở rộng quy mô giáo dục liên kết đào tạo đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo 80%, đạt tỷ lệ 320 sinh viên/vạn dân.

### **3.4. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia**

Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học mầm non và phổ thông nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển giáo dục.

Đến năm 2021 các trường đều đạt chuẩn quốc gia, kể cả các trường xây dựng mới (sau 2 năm). 100% trường được đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và được công khai trước công luận.

## **4. Định hướng giai đoạn 2021-2030**

### **4.1. Mạng lưới trường lớp**

Thành lập mới các trường mầm non, Tiểu học, Trường THCS đáp ứng được nhu cầu học tập của người dân.

Các trường mầm non, phổ thông có đầy đủ: phòng học 2 buổi/ngày, phòng học bộ môn, có sân chơi, bãi tập, nhà tập luyện và thi đấu đa năng (cấp phổ thông), hồ bơi đạt chuẩn.

Xây dựng hoàn chỉnh Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên theo chuẩn quy định.

### **4.2. Mục tiêu huy động** (so với dân số trong độ tuổi):

- 90% trẻ nhà trẻ, 100% trẻ mẫu giáo đến trường. Duy trì bền vững kết quả đạt chuẩn phổ cập cho trẻ 5 tuổi. Trẻ khuyết tật học các lớp hoà nhập và chuyên biệt.

- Ở cấp tiểu học, trẻ trong độ tuổi đi học 100%, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

- Đối với cấp THCS, học sinh trong độ tuổi đi học 99,5%, trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%.

- Phân luồng 20% học sinh sau tốt nghiệp THCS vào học nghề tại Trung giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên huyện.

- Tạo cơ hội cho mọi người có thể học tập suốt đời, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mình, người lao động được đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng ngắn hạn định kỳ và thường xuyên, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Mở rộng quy mô liên kết đào tạo đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 90%, đạt tỷ lệ 400 sinh viên/vạn dân.

### **4.3. Mục tiêu chất lượng và hiệu quả**

- Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ được chuyển biến rõ nét. Đến năm 2030 có trên 98% số trẻ 5 tuổi đạt chuẩn phát triển, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non ở mức dưới 3%.

- Chất lượng toàn diện của học sinh phổ thông sánh ngang với các huyện, thành phố trong tỉnh. Công tác dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục phổ thông được nâng lên rõ nét, 80% học sinh phổ thông có khả năng giao tiếp tiếng Anh tốt.

- Tỷ lệ học sinh tiểu học đạt yêu cầu trong các đánh giá quốc gia về đọc hiểu và tính toán là 98%. 100% học sinh phổ thông học 2 buổi/ngày. Hiệu quả đào tạo cấp tiểu học 99,8%, THCS 99%.

- Duy trì bền vững kết quả phổ cập giáo dục. Chất lượng giáo dục thường xuyên được nâng cao. Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 - 35 đạt 100% và tiếp tục được học tập sau khi biết chữ.

- Duy trì, nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn quốc gia.

## **II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Nhóm giải pháp tăng cường cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục – đào tạo**

a) Bố trí đủ quỹ đất cho việc xây dựng trường, đảm bảo xây dựng các trường đạt chuẩn và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở tất cả các cấp học. Tập trung làm tốt công tác đền bù giải phóng mặt bằng, bố trí đủ kinh phí cho các dự án xây dựng trường học, tiến độ thi công nhanh, đảm bảo chất lượng. Nghiên cứu, đề xuất với tỉnh phương án đổi đất lấy cơ sở hạ tầng, trong đó có trường học ở các khu quy hoạch mới.

b) Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và giáo dục; đầu tư sân chơi, bãi tập... để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và kỹ năng sống cho học sinh. Huy động sự đóng góp trí tuệ của đội ngũ cán bộ giáo viên trong việc làm đồ dùng dạy học để bổ sung cho thiết bị dạy học. Đầu tư nâng cấp các phòng máy tính, hạ tầng công nghệ thông tin các trường nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý, dạy và học.

c) Huy động nhiều thành phần xã hội tham gia đầu tư vào giáo dục, đa dạng hóa các mô hình trường, lớp; kêu gọi các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trường mầm non, mở các trung tâm ngoại ngữ có chất lượng cao, khu vui chơi thiếu nhi.

### **2. Nhóm giải pháp tăng cường công tác quản lý giáo dục - đào tạo**

a) Thực hiện nghiêm túc Luật giáo dục, Điều lệ nhà trường và các văn bản pháp quy về giáo dục – đào tạo. Quán triệt, triển khai thực hiện đúng tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục – đào tạo. Công khai chất lượng giáo dục và các nguồn lực cho giáo dục. Thực hiện phân cấp quản lý theo Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục. Tăng cường công tác giám sát của Nhà nước, của các lực lượng xã hội đối với giáo dục; quan tâm xây dựng các tổ chức chính trị xã hội trong nhà trường, tổ chức công đoàn vững mạnh.

b) Đảm bảo dân chủ trong trường học. Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá Chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và giáo viên theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khách quan, trung thực khi thực hiện việc giáo viên tham gia đánh giá cán bộ quản lý, cán bộ quản lý cấp dưới tham gia đánh giá cán bộ quản lý cấp trên, cơ sở giáo dục tham gia đánh giá cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm những cán bộ, giáo viên vi phạm tư cách nhà giáo, quy chế chuyên môn. Đồng thời kịp thời động viên, khen thưởng những cán bộ, giáo viên, đơn vị có thành tích trong thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển giáo dục. Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, chú trọng phát triển hài hòa đức, trí, thể, mỹ; kết hợp dạy người, dạy chữ và dạy nghề. Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tăng cường giáo dục thể chất, kiến thức quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý; tăng cường công tác kiểm tra, quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị trường học; tu bổ, sửa chữa kịp thời trường lớp; giữ gìn vệ sinh môi trường, xây dựng trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

e) Đổi mới công tác tài chính giáo dục nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực của nhà nước và xã hội đầu tư cho giáo dục; nâng cao tính tự chủ của các cơ sở giáo dục, đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm đối với Nhà nước, người học và xã hội.

### **3. Nhóm giải pháp xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục**

a) Chuẩn hoá đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tất cả các cấp học, bảo đảm đủ số lượng, đạt chuẩn nghề nghiệp và đồng bộ về cơ cấu; đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên và nâng cao chất lượng đảng viên trong ngành giáo dục; nâng cao trình độ lý luận chính trị, phẩm chất, đạo đức lối sống, lương tâm nghiệp vụ của nhà giáo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong giai đoạn mới.

*Đối với cán bộ quản lý giáo dục:* 100% là đảng viên, đạt trình độ lý luận chính trị - hành chính từ trung cấp trở lên và được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục. Về trình độ chuyên môn: 100% cán bộ quản lý trường mầm non, tiểu học đạt trình độ cao đẳng trở lên; 100% cán bộ quản lý trường THCS, GDTX, Phòng Giáo dục và Đào tạo đạt trình độ đại học trở lên.

*Đối với giáo viên:* Bổ sung, điều chỉnh, sắp xếp, bố trí giáo viên các cấp học đủ theo biên chế quy định. Về chuyên môn 100% đạt chuẩn, trong đó trên chuẩn: Mầm non 50%, tiểu học 70%, THCS 75%; giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp 100%, có 90% đạt chuẩn nghề nghiệp loại khá trở lên, trong đó loại xuất sắc đạt ít nhất 25%; giáo viên các cấp là đảng viên 40%. Đến hết năm 2017, giáo viên tiếng Anh phổ thông phải đạt chuẩn ngôn ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tự tin trong giao tiếp bằng tiếng Anh với người nước ngoài, có thể tham gia phiên dịch cho lãnh đạo địa phương khi có đoàn nước ngoài đến làm việc với địa phương.

b) Tăng cường công tác quy hoạch đội ngũ, nhất là đội ngũ cán bộ nguồn để bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, nâng cao trình độ lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

c) Có chính sách ưu đãi về vật chất và tinh thần tạo động lực cho nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có nhiều đóng góp trong ngành, nhất là giáo viên giỏi các cấp.

### **4. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học**

a) Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng nâng cao năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ, tin học và kỹ năng sống cho học sinh.

b) Đẩy mạnh giáo dục đạo đức, pháp luật, thể chất, quốc phòng an ninh và các giá trị văn hóa truyền thống; giáo dục nghề và hướng nghiệp cho học sinh.

c) Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá học sinh theo hướng đánh giá năng lực học sinh, đánh giá cuối kỳ kết hợp với đánh giá quá trình. Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông nhằm mở rộng các hình thức học tập, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng và linh hoạt của người học, giúp người học hoàn thiện nhân cách, trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công việc và nâng cao chất lượng cuộc sống. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học một cách hiệu quả, thiết thực. Nâng cao năng lực tự học của học sinh và tự nghiên cứu của giáo viên thông qua công nghệ thông tin và truyền thông.

d) Thực hiện tốt Đề án dạy và học ngoại ngữ để trang bị ngoại ngữ (tiếng Anh) cần thiết cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nguồn nhân lực. Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu với người nước ngoài để rèn luyện khả năng giao tiếp, tăng cường năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu của từng đối tượng.

### **5. Nhóm giải pháp đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục**

Có chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư xây dựng và phát triển trường mầm non; thành lập các trung tâm ngoại ngữ có chất lượng.

Tiếp tục vận động hỗ trợ cho học sinh nghèo thuộc diện chính sách và các nguồn kinh phí khác để sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật trường học. Tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội để giáo dục học sinh; kéo giảm tỷ lệ học sinh lưu ban, không để học sinh bỏ học, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Làm tốt công tác phối hợp các môi trường giáo dục, giáo dục truyền thống, lịch sử địa phương; giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục về an toàn an ninh trật tự.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện**

Là cơ quan thường trực giúp UBND huyện chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Chủ động rà soát các kế hoạch, đề án, quy hoạch phát triển giáo dục, tham mưu huyện điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Tham mưu UBND huyện tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án, kế hoạch của huyện về lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Xây dựng kế hoạch cụ thể của ngành và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả; chú trọng đến những giải pháp có tính đột phá, quyết định. Có kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kịp thời những nội dung đổi mới để thực hiện hiệu quả các yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục và đào tạo. Tập trung làm tốt công tác rà soát đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên. Chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ Lao động Thương binh và Xã hội huyện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, đạo đức cách mạng, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá, tổng hợp tình hình, đề xuất các biện pháp giải quyết những khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện với cấp có thẩm quyền theo quy định.

## **2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện**

Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2017 – 2021. Chủ động đề xuất UBND tỉnh và các Sở ngành quan tâm ưu tiên bố trí các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo; phối hợp với các cơ quan, đơn vị tiếp tục tham mưu UBND huyện kêu gọi xã hội hóa giáo dục. Tham mưu UBND huyện thẩm định, cân đối nguồn kinh phí hàng năm để thực hiện kế hoạch.

## **3. Phòng Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội huyện**

Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tham mưu cho UBND huyện kế hoạch giao số lượng người làm việc hàng năm cho các cơ sở giáo dục trình cấp có thẩm quyền theo định mức quy định. Chủ trì tham mưu cho UBND huyện trong việc đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, đề xuất các chế độ, chính sách phù hợp với tình hình thực tế của huyện.

Chủ trì phối hợp điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu thị trường lao động, phối hợp với trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên mở các lớp đào tạo nghề đáp ứng thị trường lao động trên địa bàn huyện.

Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tuyên truyền, tư vấn nhằm phân luồng đào tạo học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông, thu hút ngày càng nhiều học sinh đi học nghề; đẩy mạnh công tác kiểm tra các cơ sở giáo dục địa bàn huyện đảm bảo đúng quy định và chất lượng đào tạo.

## **4. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện**

Phối hợp với các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các cơ sở giáo dục và đào tạo đảm bảo đủ diện tích sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chủ trì phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tiến hành rà soát, quy hoạch xây dựng đề tham mưu, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2017 – 2021, tầm nhìn năm 2030. Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo trong công tác quản lý xây dựng cơ bản nhằm nâng cao chất lượng xây dựng các công trình trường học theo tiêu chuẩn.

## **5. Ban quản lý dự án huyện**

Chủ trì phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục nghiên cứu hướng dẫn mẫu thiết kế lớp học, phòng học bộ môn... phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện thực tế của huyện.

Triển khai thực các dự án xây dựng cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục đảm bảo đúng chất lượng, đúng tiến độ.

## 6. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

Chủ động phối hợp cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về giáo dục và đào tạo góp phần nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể và người dân về công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Phát hiện, biểu dương kịp thời những đóng góp của các cấp, ngành, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong việc thực hiện phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện.

Phối hợp với ngành giáo dục đẩy mạnh phong trào rèn luyện thân thể, luyện tập thể thao, triển khai các hoạt động giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chỉ đạo Trung tâm VH-TT, Ban điều hành các khu dân cư sử dụng có hiệu quả các thiết chế văn hóa, nâng cao chất lượng trung tâm học tập cộng đồng, xây dựng xã hội học tập; khai thác hiệu quả các di tích lịch sử, văn hóa trong dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

**7. Đề nghị UBNDTTQ, các đoàn thể huyện** chỉ đạo tổ chức đoàn thể các cấp tăng cường tuyên truyền đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân phối hợp cùng ngành giáo dục thực hiện có hiệu quả kế hoạch này. Đẩy mạnh vận động các lực lượng xã hội tham gia công tác xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực cùng chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục, tạo dựng môi trường xã hội, văn hóa lành mạnh. Phối hợp đề xuất các giải pháp xây dựng xã hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập trong cộng đồng. Phối hợp tham gia kiểm tra, giám sát, phản biện các cơ quan nhà nước, nhà trường, gia đình thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các cơ quan liên quan chủ động liên hệ với Phòng Giáo dục và Đào tạo báo cáo những phát sinh, vướng mắc xin ý kiến UBND huyện xem xét, giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo huyện Côn Đảo, giai đoạn 2017 – 2021, tầm nhìn đến năm 2030. UBND huyện Côn Đảo đề nghị thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch này. /s

TM. UBND HUYỆN  
CHỦ TỊCH *Hy*



*Nguyễn Thành Chính*



**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON GIAI ĐOẠN 2017 - 2021**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch 2017 - 2021							Mục tiêu KH 2016-2021	Ghi chú
				KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	KH 2021				
1	Số trẻ mầm non	Trẻ	850	894	1,080	1,161	1,223	1,292	1,292			
1.1	Nhà trẻ	Trẻ	322	340	500	560	600	640	640			
1.2	Mẫu giáo	Trẻ	528	559	580	601	623	652	652			
2	Tỷ lệ huy động	Trẻ										
2.1	Nhà trẻ	%	56.8	67,6	80	86.1	86,5	87	87			
2.2	Mẫu giáo (3-5 T)	%	98	100	100	100	100	100	100			
2.3	Mẫu giáo 5 tuổi	%	100	100	100	100	100	100	100			
3	Cơ sở vật chất	Trường	2	2	4	4	4	5	5			
4	Số nhóm, lớp	nhóm/lớp	33 (nhóm, lớp ghép)	35 (nhóm, lớp ghép)	47	48 (nhóm/ lớp ghép)	51 (nhóm/ lớp ghép)	54 (nhóm/ lớp ghép)	54 (nhóm/ lớp ghép)			
4.1	Số nhóm trẻ	Nhóm Trẻ	16	17	26	28	30	32	32			
	Bình quân trẻ/nhóm trẻ	Trẻ	20.1	20	19.2	20	20	19.7	19.7			
4.2	Số lớp mẫu giáo	Lớp	17	18	21	20	21	22	22			
	Bình quân trẻ/lớp MG	Trẻ	31.05	30.8	28.8	30.05	29.7	29.6	29.6			
5	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Người	110	115	169	174	183	197	197			
5.1	Giáo viên	Người	77	82	111	114	121	128	128			
5.2	Cán bộ quản lý	Người	6	6	12	12	12	14	14			
5.3	Nhân viên hành chính, khác	Người	27	27	46	48	50	55	55			





**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GDNN-GDTX GIAI ĐOẠN 2017 - 2021**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo)

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch 2017 - 2021							Mục tiêu KH 2017-	Ghi chú
				KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	KH 2021				
I	Số học sinh phổ thông	Học sinh	1126	1260	1390	1523	1650	1780	1780			
	Tiêu học	Học sinh	640	695	775	860	935	1015	1015			
	THCS	Học sinh	406	480	520	558	600	650	650			
3	GDNN-GDTX	Học sinh	80	85	95	105	115	115	115			
II	Tỷ lệ huy động									0		
	Tiêu học (6 - 10 tuổi)	%	99	99	100	100	100	100	100	100		
2	Trung học cơ sở	%	98	98	98	98	100	100	100	100		
III	Lớp phổ thông		36	40	48	51	56	60	60	60		
	Tiêu học	Lớp	21	23	29	31	34	36	36	36		
	- Bình quân học sinh/lớp	Học sinh	30.5	30.2	26.7	27.7	27.5	28.2	28.2	28.2		
2	Trung học cơ sở	Lớp	15	17	19	20	22	24	24	24		
	- Bình quân học sinh/lớp	Học sinh	27.1	28.2	27.4	27.9	27.3	27.1	27.1	27.1		
IV	Trường học phổ thông	Trường								0		
	Tiêu học	Trường	1	1	2	2	2	2	2	2		
	THCS&THPT	Trường	1	1	0	0	0	0	0	0		
	THCS	Trường	0	1	1	1	1	1	1	1		
4	GDNN-GDTX	Trường	1	1	1	1	1	1	1	1		
V	Cán bộ, giáo viên, nhân viên	Người								0		
	Tiêu học	Người	41	47	65	68	72	75	75	75		



Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch 2017 - 2021						Mục tiêu KH 2017-	Ghi chú
				KH 2017	KH 2018	KH 2019	KH 2020	KH 2021			
1.1	Giáo viên+TPT	Người	32	36	46	49	53	56	56		
1.2	Bình quân GV/lớp	Người	1.48	1.52	1.52	1.52	1.50	1.50	1.5		
1.3	Cán bộ quản lý	Người	3	3	5	5	5	5	5		
1.4	Nhân viên hành chính, khác	Người	6	8	14	14	14	14	14		
<b>2</b>	<b>Trung học cơ sở</b>	Người	<b>31</b>	<b>43</b>	<b>49</b>	<b>51</b>	<b>55</b>	<b>58</b>	<b>58</b>		
2.1	Giáo viên+TPT	Người	22	33	37	39	43	46	46		
2.2	Bình quân GV/lớp	Người	1.40	1.88	1.89	1.90	1.91	1.88	1.88		
2.3	Cán bộ quản lý	Người	2	2	3	3	3	3	3		
2.4	Nhân viên hành chính, khác	Người	7	8	9	9	9	9	9		
<b>3</b>	<b>GDNN-GDTX</b>	Người	<b>15</b>	<b>15</b>	<b>25</b>	<b>25</b>	<b>25</b>	<b>25</b>	<b>25</b>		
4.1	Giáo viên	Người	8	8	13	13	13	13	13		
4.2	Cán bộ quản lý	Người	2	2	3	3	3	3	3		
4.3	Nhân viên hành chính, khác	Người	5	5	9	9	9	9	9		



Phụ lục số 03

**KHAI TOÀN NHU CẦU VÀN XÂY DỰNG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2017-2021**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Cơn Đảo)

ĐVT: Tỷ đồng

Số TT	Tên trường	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Trong đó, chia ra kế hoạch vốn hàng năm					
				Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	
1	Mở rộng MN Tuổi Thơ	8 nhóm/lớp	26,282	4,6	10,282	/	/	/	
2	Khu các phòng học bộ môn trường TH Cao Văn Ngọc	6 phòng	26,250	4,9	11,450	/	/	/	
3	Nhà tập luyện, thi đấu TDDTT trường Võ Thị Sáu	2.639m <sup>2</sup>	12,088	2,088	/	/	/	/	
4	Xây mới trường THCS khu 9	16 lớp	153,963	2 + 18,399	50	20,188	/	/	
5	Xây mới trường MN (Khu dân cư số 9)	12 nhóm/lớp	46,025	0,05	30	15,975	/	/	
6	Xây mới trường MN Khu 10 (giai đoạn 1)	6 nhóm/lớp	30	4	20	6	/	/	
7	Xây mới trường TH (Khu 3)	16 lớp	80	/	10	40	30	/	
8	Xây mới trường MN Khu 1 (giai đoạn 1)	6 nhóm/lớp	30	/	/	/	/	10	
9	Xây mới trụ sở TTGDNN-GDTX (theo TT39/2015 của liên bộ)		85	/	15	45	25	/	
10	Xây mới trường MN Khu 3	10 nhóm/lớp	45	/	/	10	15	20	
11	Xây mới trường TH (Khu 10)	10 lớp	50	/	/	/	/	10	
12	Xây mới trường THCS khu 3	15 lớp	75	/	/	/	/	15	
13	Mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học; sửa chữa		14	/	3,5	3,5	3,5	3,5	
14	Xây dựng khu tập thể GV	20 căn	18	/	3	10	5	/	
<b>Cộng</b>				<b>691,608</b>	<b>35,949</b>	<b>153,320</b>	<b>150,663</b>	<b>78,5</b>	<b>58,5</b>

\* Tổng mức đầu tư vào khoảng 691,608 tỷ đồng. Trong đó, kế hoạch vốn giai đoạn 2017 – 2020 khoảng 418,432 tỷ đồng.



**NHU CẦU BỔ SUNG SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC GIAI ĐOẠN 2017 - 2021, CẤP MÀM NON**  
(Ban hành theo Quyết định số 178/KH-UBND, ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Côn Đảo)

STT	Năm	Số trường	Số nhóm, lớp công lập			Số vị trí, việc làm cần thiết giai đoạn 2016 - 2021	Nhu cầu cần bổ sung			
			Nhóm trẻ	Số lớp Mẫu giáo	Số HS Mầm non		Tổng cộng	Lãnh đạo QL	Giáo viên	Nhân viên hành chính, khác
1	2016	2	16	17	850	110	16	0	13	3
2	2017	2	17	18	894	115	6	0	5	1
3	2018	4	23	20	1.105	169	54	6	29	19
4	2019	4	24	21	1.168	174	5	0	3	2
5	2020	4	25	22	1.224	183	9	0	7	2
6	2021	5	28	23	1.293	197	14	2	7	5



**NHU CẦU BỔ SUNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRƯỜNG PHÓ THÔNG, GDNN-GDTX GIAI ĐOẠN 2017 - 2021**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện (Côn Đảo))

Số TT	Năm	Số trường	Số lớp	Số lượng người làm việc			Nhu cầu bổ sung			Ghi chú
				CBQL	GV+TPT	Nhân viên	CBQL	GV+TPT	Nhân viên	
<b>Cấp Tiểu học</b>										
1	2016	1	21	3	32	8	-	3	2	Trường tiểu học Cao Văn Ngọc đã hợp đồng thêm 03 giáo viên
2	2017	1	23	3	36	8	-	4	-	
3	2018	2	29	5	46	14	2	10	6	
4	2019	2	31	5	49	14	-	3	-	
5	2020	2	34	5	53	14	-	4	-	
6	2021	2	36	5	56	14	-	3	-	
<b>Cấp THCS</b>										
1	2016	0	15	2	29	8	-	7	1	Thực thuộc Sở GD&ĐT
2	2017	1	17	2	33	8	2	33	8	Điều chuyển sau khi tách trường
3	2018	1	19	3	37	9	1	4	1	
4	2019	1	20	3	39	9	-	2	-	
5	2020	1	22	3	43	9	-	4	-	
6	2021	1	24	3	46	9	-	3	-	
<b>Trung tâm GDNN-GDTX Côn Đảo</b>										
1	2016	1	4	2	8	5	-	-	-	
2	2017	1	4	2	8	5	-	-	-	
3	2018	1	6	3	13	9	1	5	4	
4	2019	1	6	3	13	9	-	-	-	Thêm chức năng dạy nghề
5	2020	1	6	3	13	9	-	-	-	
6	2021	1	6	3	13	9	-	-	-	



## PHỤ LỤC 6

### ĐẶC NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GD&ĐT HUYỆN CÔN ĐẢO, GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND huyện Côn Đảo)

STT	Nội dung hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Kế hoạch đào tạo sơ cấp, trung cấp lý luận chính trị cho đội ngũ CB, GV ngành giáo dục.	Phòng NVLĐT&XH	Phòng GDDT, TC-KH, TTBĐCT	Hè 2017 - 2020
2	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên theo chuyên đề cho đội CBQL, ngũ giáo viên.	Phòng GD&ĐT	Phòng NVLĐT&XH, TC-KH	Trong hè, 2017-2021
3	Kế hoạch Bồi dưỡng kỹ năng viết, trình bày bảng cho đội ngũ giáo viên.	Phòng GD&ĐT	BGH các trường	Hè 2017
4	Kế hoạch nâng cao trình độ chuẩn ngoại ngữ cho GV tiếng Anh.	TTGDNN-GDTEX	Phòng GDDT; Phòng NVLĐT&XH; TC-KH	Hàng năm
5	Kế hoạch Bồi dưỡng tiếng Anh, Tin học theo Chuẩn nghề nghiệp cho đội ngũ CBQL, GV	TTGDNN-GDTEX	Phòng GDDT; Phòng NVLĐT&XH; TC-KH	Giai đoạn 2018 -2020
6	Kế hoạch Bồi dưỡng nghiệp vụ Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn.	Phòng GD&ĐT	Phòng NVLĐT&XH, TC-KH	Hè 2018
7	Kế hoạch Bồi dưỡng đội ngũ GVCN lớp (TH, THCS, GDTX)	Phòng GD&ĐT	Phòng NVLĐT&XH, TC-KH	Hè 2017, 2018
8	Kế hoạch Đầu tư xây dựng trường, lớp (MN, TH, THCS, GDDN-GDTEX)	Phòng TC-KH	BQL ĐTXD huyện; P. TN&MT; Phòng GDDT	Giai đoạn 2017-2021
9	Sửa chữa CSVC các trường hiện hữu	Phòng TC-KH	Phòng GDDT, các trường học	2-3 năm/1lần
10	Đầu tư mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học các trường	Phòng TC-KH	Phòng GDDT; các trường học	2 năm/1lần
11	Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục (cán bộ nguồn)	Phòng NVLĐT&XH	Phòng GDDT, TC-KH	Hè 2019
12	Kế hoạch Bồi dưỡng theo ngạch, bậc GV MN, TH, THCS, GDTX	Phòng NVLĐT&XH	Phòng GDDT, TC-KH	Hè 2018